TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Hồng Đ, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số nhà B, đường P, ấp B, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0903.002.104, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1989; địa chỉ: Số D, đường N, Khu G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0961.204.571, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Hồng Đ trình bày***:

Về hôn nhân: Ông Bùi Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Kim D là vợ chồng. C sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 đăng ký ngày 28/6/2023.

Sau khi kết hôn, ông Đ và bà D sinh sống cùng với mẹ bà D tại địa chỉ Số D, đường N, Khu G, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đây là nhà thuê do bà D thuê để ở và kinh doanh bán thuốc Tây. Bà D là người kinh doanh bán thuốc Tây, còn ông Đ làm nghề tài xế lái xe tải chở hàng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc.

Tuy nhiên, cách đây khoảng 7 - 8 tháng do mâu thuẫn nên ông Đ bỏ về nhà cha mẹ ông Đ ở huyện H, TP . sinh sống cho đến nay. Ông Đ và bà D ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông Đ và bà D có gặp nhau vài lần nhưng cả hai không nói chuyện hàn gắn tình cảm với nhau. Ông Đ vẫn gửi tiền chu cấp nuôi con hàng tháng đầy đủ.

Nguyên nhân ông Đ, bà D mâu thuẫn là do bà D có tính ích kỷ, hay ghen tuông vô cớ, nhiều chuyện. Mỗi lần ông Đ và bà D cãi nhau, bà D rất thích sử dụng bạo lực, đã đánh ông Đ gãy mắt kiếng 02 lần. Một lần do nóng quá ông Đ không kiềm chế được bản thân nên có tát tay bà D. Một lần đang cãi nhau, bà D lấy dao Thái Lan ra định cắt mạch máu ở cổ tay đòi tự tử. Ông Đ nhận thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà D.

Về con chung và nuôi con: Thời gian chung sống, ông Đ và bà D có 01 con chung là Bùi Nguyễn Thiên Â (nữ), sinh ngày 19/4/2023. Hiện nay, con chung đang sống cùng bà D. Sau khi ly hôn, ông Đ giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D: Quá trình giải quyết vụ án, bà D không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Bùi Hồng Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà D.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của ông Đ, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp

không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Đ, bà D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Ông Đ nộp đơn yêu cầu ly hôn do bà D có tính ích kỷ, hay ghen tuông vô cớ, nhiều chuyện và có tính bạo lực gia đình. Bà D không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của ông Đ. Do đó, ý kiến trình bày của ông Đ thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của ông Đ, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa ông Đ và bà D là có thật, cả hai đã sống ly thân nhau khoảng 7 - 8, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho bà D đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng bà D không đến. Chứng tỏ bà D cũng không còn tình cảm với ông Đ, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Đ và bà D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Theo lời trình bày và chứng cứ do ông Đ giao nộp, Tòa xác định được: ông Đ và bà D có 01 con chung là Bùi Nguyễn Thiên Â (nữ), sinh ngày 19/4/2023. Sau khi ly hôn, ông Đ giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung hiện nay còn nhỏ, đang sinh sống cùng bà D, bà D không có ý kiến gì về việc không đồng ý nuôi con chung. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng của ông Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Đ không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng. Bà D không có ý kiến gì về số tiền ông Đ cấp dưỡng. Do đó, Tòa chấp nhận ý kiến cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung của ông Đ.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Ông Đ được trừ số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Hồng Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Đ được ly hôn bà D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 đăng ký ngày 28/6/2023 tại UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung và nuôi con: Bà D được trực tiếp nuôi con chung Bùi Nguyễn Thiên Â (nữ), sinh ngày 19/4/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 25/3/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Đ. Ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của bà D. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Ông Đ chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008887, ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

- Ông Đ chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình